

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2021

V/v: Ly hôn giữa chị Th và anh Th

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Xuân Ty.

2. Ông Cầm Văn Nam.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Huỳnh Lan T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 146/21/11 đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Th, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 59 đường Phan Ngọc H, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa chị Th có mặt, anh Th vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh Lan T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc Th có đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2012 tại UBND phường Lộc Tiến, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con cái, anh Th sống

không có trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi vã làm ảnh hưởng đến gia đình hai bên và các con. Chị và anh Th đã sống mỗi người một nơi từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau. Nay tình cảm của chị và anh Th không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị đề nghị được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Anh T, sinh ngày 03/12/2013 hiện nay đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Th khai không có.

Nợ chung: Chị Th khai không có.

*Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Quốc Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Huỳnh Lan T đăng ký kết hôn đúng như chị Th trình bày. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc. Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, vợ chồng không đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con, bản thân anh cũng ham vui, ăn nhậu với bạn bè nên vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi vã. Từ tháng 02 năm 2020 anh và chị Th đã sống mỗi người một nơi, mặc ai nấy sống. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Anh cũng đã nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin năn nỉ chị Th cho anh thêm cơ hội về đoàn tụ nhưng chị Th không đồng ý. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị Th, mong muốn gia đình đoàn tụ cùng nuôi dạy con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung đúng như chị Th trình bày. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Th khai không có.

Nợ chung: Anh Th khai không có.

Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/12/2020 nhưng không thành.

Tại phiên tòa, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Th và đề nghị Tòa án cho chị được nuôi con chung.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi

thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh Nguyễn Quốc Th; Giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét; Về án phí: Buộc chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Quốc Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Huỳnh Lan T và anh Nguyễn Quốc Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Th và anh Th xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về tính cách, không đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con, bản thân anh Th thường xuyên đi nhậu nên vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi vã. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng chị Th anh Th có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Th ham vui chơi bên ngoài không quan tâm đến vợ con, vợ chồng hay xích mích, cãi vã. Cả anh Th và chị Th đều thừa nhận đã sống mỗi người một nơi từ đầu năm 2020 cho đến nay, anh Th cũng đã nhiều lần năn nỉ chị Th quay về nhưng chị Th cương quyết không đồng ý. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị Th và anh Th đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị Th thấy rằng từ khi chị Th và anh Th không sống chung với nhau thì con nhỏ theo chị Th về sinh sống cùng với ông bà ngoại, cháu được chị Th chăm sóc phát triển bình thường. Nguyên vọng của cháu bé cũng mong muốn được sống với chị Th. Về phía anh Th trình bày trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh cũng đồng ý giao con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho con nên giao con chung Nguyễn Huỳnh Anh T, sinh ngày 03/12/2013 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung: Chị Th và anh Th khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị Th và anh T đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Huỳnh Lan T và anh Nguyễn Quốc Th.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Huỳnh Anh T, sinh ngày 03/12/2013 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.*

3. Về tài sản chung: Chị Th và anh T khai không có.

4. Về nợ chung: Chị Th và anh Th khai không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Huỳnh Lan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0018569 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự*

*có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND phường L, thành phố B;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hiền**